

Bản án số: 41/2023/HS-PT

Ngày 22 - 6 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Chiến

Các Thẩm phán: Ông Lê Quốc Hương và ông Võ Văn Vinh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Vũ Trí - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Tố Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 41/2023/TLPT-HS ngày 04 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo: Tô Quang H do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2023/HS-ST ngày 06-02-2023 của Toà án nhân dân thành phố Gia Nghĩa.

Bị cáo bị kháng nghị: Tô Quang H, sinh năm 1992 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 5, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; tạm trú: Tổ dân phố T, phường Q, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Quang T và bà Võ Thị Kim A; có vợ là Ngô Thị Lệ D và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21-5-2021, hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đ - Cục 10 - Bộ Công An - Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Lê Thị S, sinh năm 1972, địa chỉ: Tổ dân phố 9, phường N1, thành phố G, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

- Anh Bùi Minh T, sinh năm 1981, địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường N1, thành phố G, tỉnh Đắk Nông - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ tháng 10-2016 đến tháng 02-2021, Tô Quang H mua 07 xe mô tô không rõ nguồn gốc, sau đó thuê làm giả 04 Giấy chứng nhận đăng ký (viết tắt GCNĐK) xe mô tô sử dụng để cầm cố và bán cho người khác; ngoài ra H còn thuê làm giả 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô để vay tiền, cụ thể như sau:

Lần thứ 1: Vào tháng 10-2016, H tìm trên trang web “xe nhập, xe lậu, xe góp, xe nộ” đặt mua một người đàn ông (không rõ lai lịch) 01 xe mô tô hiệu Honda, loại SH 150i, màu đỏ, với giá 37.000.000 đồng. H biết đây là xe không có giấy tờ nên yêu cầu người này làm giả GCNĐK xe mô tô ghi tên Tô Quang T (bố của H). Sau đó, H đến công viên 30-4 tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai nhận xe mô tô trên, gắn biển kiểm soát (viết tắt BKS) 47K1-086.93 cùng GCNĐK xe mô tô và thanh toán như thỏa thuận, điều khiển xe về thành phố G và sử dụng làm phương tiện đi lại.

Ngày 24-06-2020, H đem xe mô tô trên cùng GCNĐK xe đã thuê làm giả đến tiệm cầm đồ NK tại tổ dân phố 9, phường N1 cầm cố cho bà Lê Thị S. H nói dối chiếc xe này mua trên mạng có giấy tờ hợp pháp. Sau khi kiểm tra giấy tờ đăng ký, thấy phù hợp với đặc điểm chiếc xe nên bà S đồng ý nhận cầm cho H số tiền 60.000.000 đồng, hai bên lập hợp đồng cầm cố trong thời gian một tháng, lãi suất 1.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày và thỏa thuận có thể gia hạn nhưng H phải trả tiền lãi theo hàng tháng. Hàng tháng H trả tiền lãi suất cho bà S, đến tháng 02-2021 bị Công an phát hiện.

Lần thứ 2: Đầu năm 2020, H mở cửa hàng mua bán xe máy cũ tại nơi ở của H thuộc tổ dân phố T, phường Q, thành phố G. Trong quá trình mua bán, H thấy việc mua xe mô tô không rõ nguồn gốc với giá rẻ rồi làm giả GCNĐK và BKS để bán cho người khác đem lại lợi nhuận cao hơn, nên H thường lên các trang web để tìm kiếm các loại xe này.

Tháng 3-2020, H tìm kiếm trên trang web “xe nhập lậu, xe góp, xe nộ” đặt mua 01 xe mô tô hiệu Honda, loại SH mode với giá 40.000.000 đồng của một người đàn ông (không rõ lai lịch), người này giao xe kèm theo BKS 60F3-335.69 cùng GCNĐK xe và bản sao Giấy chứng minh nhân dân ghi tên Nguyễn Thanh B cho H tại quán cà phê VT thuộc phường N1, thành phố G. H biết đây là giấy tờ giả nhưng vẫn đồng ý mua và trả cho người bán số tiền 40.000.000 đồng như đã thỏa thuận.

Ngày 24-3-2020, H gọi điện thoại cho bà Lê Thị S để cầm cố xe mô tô này. Do bận công việc nên H nhờ vợ mình là Ngô Thị Lệ D đem xe mô tô cùng GCNĐK xe cầm cố cho bà Lê Thị S lấy số tiền 45.000.000 đồng. Hai bên lập hợp đồng cầm cố trong thời gian một tháng, lãi suất 1.000 đồng/1.000.000

đồng/01 ngày và thỏa thuận có thể gia hạn nhưng H phải đóng tiền lãi hàng tháng. Hàng tháng, H trả tiền lãi 1.350.000 đồng cho bà S đến khi bị phát hiện.

Lần thứ 3: Tháng 3-2020, H tìm trên trang web “chợ tốt” có đăng bán 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Sonic 150, H biết đây là xe không rõ nguồn gốc, GCNĐK xe và BKS nên có giá rẻ hơn giá trị thực tế, vì muốn có nhiều lợi nhuận nên H đặt mua với giá 30.000.000 đồng. Sau đó, H đón xe khách đến thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai gặp một người đàn ông (không rõ lai lịch) nhận xe mô tô hiệu Honda, loại Sonic 150, màu đỏ đen, gắn BKS 60B6-644.24 cùng GCNĐK xe mô tô ghi tên Trương Minh Q; H thanh toán số tiền 30.000.000 đồng cho người này rồi điều khiển xe về thành phố G.

Ngày 10-7-2020, H cầm cố chiếc xe mô tô trên cùng GCNĐK cho bà Lê Thị S lấy số tiền 35.000.000 đồng. Hai bên lập hợp đồng cầm cố trong thời gian một tháng, lãi suất 1.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày và thỏa thuận có thể gia hạn nhưng H phải đóng tiền lãi hàng tháng. Hàng tháng, H trả tiền lãi 1.050.000 đồng cho bà S đến khi bị phát hiện.

Lần thứ 4: Khoảng tháng 02-2020, H tìm trên trang web “xe nhập lậu, xe gộp, xe nộ” đặt mua từ một người đàn ông có tài khoản Face book tên “Chu Chu” xe mô tô hiệu Honda, loại SH 150, H yêu cầu người này làm giả GCNĐK xe mô tô và biển kiểm soát đầu số 48 (biển kiểm soát tỉnh Đắk Nông). Sau đó, H một mình đón xe khách đến công viên 30-4 tại phường T, thành phố B gặp người đàn ông (không rõ lai lịch) nhận 01 xe mô tô hiệu Honda, loại SH 150, gắn biển kiểm soát 48C1-229.10 cùng GCNĐK xe mô tô, xe máy và một bản sao giấy chứng minh nhân dân ghi tên Đỗ Hồng P; H thanh toán số tiền 48.000.000 đồng rồi điều khiển xe về thành phố G.

Ngày 21-6-2020, H đem chiếc xe mô tô kèm theo GCNĐK xe đến tiệm cầm đồ MT tại tổ dân phố 4, phường N1, thành phố G để thế chấp cho anh Bùi Minh T. Sau khi kiểm tra thông tin trên giấy đăng ký phù hợp với đặc điểm xe thì anh T đồng ý cầm xe cho H với số tiền 65.000.000 đồng. Hai bên lập hợp đồng cầm cố trong thời gian một tháng, lãi suất 1.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày và thỏa thuận có thể gia hạn nhưng H phải đóng tiền lãi. Hàng tháng H trả tiền lãi 1.950.000 đồng cho anh T đến khi bị phát hiện.

Lần thứ 5: Khoảng tháng 3-2020, H tìm trên trang web “chợ tốt” đặt mua 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại exciter 150, màu sơn đỏ trắng của một người đàn ông (không rõ lai lịch) với giá 17.500.000 đồng; H yêu cầu người này làm BKS giả 47K1-196.93 và GCNĐK xe mô tô giả ghi tên Tô Quang H (năm 2016 H có đăng ký một BKS tương tự H đã bán cho người khác). Sau đó, người này đã giao chiếc xe mô tô cùng GCNĐK xe cho H tại cửa hàng xe máy của H ở tổ dân phố T, phường Q. Ngày 24-12-2020, H đem chiếc xe mô tô gắn kiểm soát 47K1-196.93 cùng giấy tờ làm giả cầm cố cho anh T lấy số tiền 20.000.000

đồng. Hai bên lập hợp đồng cầm cố trong thời gian một tháng, lãi suất 1.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày và thỏa thuận có thể gia hạn hợp đồng nhưng H phải đóng tiền lãi hàng tháng. Hàng tháng, H trả tiền lãi 600.000 đồng cho anh T đến khi bị phát hiện.

Lần thứ 6: Khoảng tháng 3-2020, H tìm trên trang web “xe nhập lậu, xe góp, xe nộ” đặt mua từ một người đàn ông có tài khoản Facebook tên “Chu Chu” 01 xe mô tô hiệu Honda, gắn BKS 60F1-797.80 kèm theo bản sao GCNĐK xe mô tô và Giấy chứng minh nhân dân ghi tên Châu Đức C với giá 26.000.000 đồng. Sau đó có 01 chiếc xe khách loại 16 chỗ (chưa xác định được đặc điểm) chở chiếc xe mô tô này đến giao cho H tại cửa hàng của H ở tổ dân phố T, phường Q.

Khoảng 15 ngày sau, H bán chiếc xe đã mua cho một người không rõ nhân thân lai lịch với giá 30.000.000 đồng. Ngày 28-7-2020, người này đến bán lại cho H chiếc xe với giá 25.000.000 đồng. Do không có tiền thanh toán nên H đem xe mô tô cùng Giấy chứng nhận đăng ký cầm cố cho anh T lấy số tiền 25.000.000 đồng; Hai bên lập hợp đồng cầm cố trong thời gian một tháng, lãi suất 1.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày và thỏa thuận có thể gia hạn hợp đồng nhưng H phải đóng tiền lãi hàng tháng. Hàng tháng H trả tiền lãi cho anh T đến khi bị phát hiện.

Lần thứ 7: Khoảng giữa năm 2020, có một người đàn ông (không rõ lai lịch) đến cửa hàng xe máy của H tại tổ dân phố T, phường Q bán cho H 01 xe mô tô Honda Blade màu đỏ đen, BKS 48H1-192.36 với giá 6.500.000 đồng kèm theo bản sao Giấy chứng minh nhân dân tên Thị W và bản sao GCNĐK mô tô phô tô tên Thị W.

Sau khi mua xe, H sử dụng tài khoản Facebook liên hệ với 01 người (chưa rõ lai lịch), thuê làm giả GCNĐK xe mô tô tên Thị W với giá 800.000 đồng. Sau đó, H bán chiếc xe và giao GCNĐK xe cho anh Lê Văn C với số tiền là 11.800.000 đồng.

Lần thứ 8: Đầu tháng 02-2020, H mua 01 chiếc xe ô tô hiệu For Ranger tại Thành phố Hồ Chí Minh với giá 650.000.000 đồng. Sau đó H làm thủ tục thế chấp quyền sử dụng tại Ngân hàng VPBank Chi nhánh S bằng hình thức trả góp trong vòng 05 năm. Chiếc xe được Công an tỉnh Đắk Nông cấp BKS 48C-070.49, Ngân hàng VPBank giữ bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và cung cấp cho H 01 bản sao GCNĐK.

Đến cuối tháng 02-2020, H đem chiếc xe ô tô này cùng bản sao GCNĐK xe do Ngân hàng VPBank cấp, cầm cố cho bà Lê Thị S lấy số tiền 220.000.000 đồng. Ngày 23-02-2021, H gặp chị ruột là chị Tô Thị Th hỏi vay tiền để chuộc xe từ bà S thì chị Th đồng ý nhưng yêu cầu H phải làm thủ tục để chị Th đứng tên chủ sở hữu xe ô tô. Do GCNĐK xe ô tô Ngân hàng VPBank đang quản lý nên H nảy sinh ý định làm giả GCNĐK giả giao cho chị Th giữ để vay tiền.

Ngày 26-02-2021, H sử dụng Facebook liên hệ với một người có tài khoản tên “Nguyễn Thanh Th” (chưa rõ lai lịch) cung cấp các thông tin cá nhân của chị Th rồi thuê người này làm giả GCNĐK xe ô tô ghi tên chị Th với giá 3.500.000 đồng. Sau khi làm xong GCNĐK xe ô tô giả, H đưa cho chị Th giữ. Ngày 02-03-2021, chị Th và H gặp bà S chuộc lại chiếc xe ô tô với giá 220.000.000 đồng, sau đó chị Th giao xe cho H tiếp tục sử dụng cho đến thời điểm Cơ quan Công an thu giữ. Hiện GCNĐK xe ô tô do Ngân hàng VPBank chi nhánh S quản lý.

Kết luận giám định số 37/KLGD-PC09 ngày 03-4-2021 và số 90/GĐTL-PC09 ngày 23-6-2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận: 07 GCNĐK xe ô tô, xe máy (từ G1 đến G7) và 01 GCNĐK xe ô tô (G8) nêu trên không phải do cơ quan nhà nước phát hành.

Kết luận giám định số 02/KLGD-PC09 ngày 25-02-2021 và số 04/KLGD-PC09 ngày 10-3-2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận: 06 BKS có ký hiệu từ B1 đến B6 không phải do cơ quan có thẩm quyền cấp.

Kết luận giám định số 236/KLGD ngày 17-6-2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận: BKS 48H1-192.36 gắn trên xe mô tô Hon da Blade, màu đỏ đen do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

Kết luận giám định số 326/KLGD ngày 17-6-2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận: BKS 48C1-07049 do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2023/HS-ST ngày 06-02-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Tô Quang H phạm các tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” và “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm b khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Tô Quang H 03 năm tù về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Tô Quang H 03 năm tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung của 02 tội buộc Tô Quang H phải chấp hành hình phạt 06 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 589 của Bộ luật Dân sự: Công nhận sự thỏa thuận của anh Bùi Minh T và Tô Quang H, theo đó Tô Quang H phải bồi thường anh Bùi Minh T số tiền 50.000.000 đồng. Buộc Tô Quang H phải bồi thường cho bà Lê Thị S số tiền 110.000.000 đồng. Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự để tính lãi suất chậm thi hành án trên số tiền chậm trả.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 06-3-2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông kháng nghị sửa một phần bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự theo hướng không giải quyết phần bồi thường trách nhiệm dân sự liên quan đến các hợp đồng cầm cố giữa bị cáo Tô Quang H với anh Bùi Minh T và bà Lê Thị S.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Tô Quang H thừa nhận Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa xử phạt bị cáo về các tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” và “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo điểm c khoản 2 Điều 341 và điểm b khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự là đúng, không oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông thay đổi nội dung kháng nghị, trong quá trình xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, xét thấy cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa về giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Tô Quang H không có ý kiến gì về thay đổi nội dung kháng nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2023/HS-ST ngày 06-02-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa và chuyển hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Xét việc thay đổi nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 342 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[2]. Trong quá trình khởi tố, truy tố và xét xử cấp sơ thẩm có những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cụ thể:

[2.1]. Ngày 28-5-2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Gia Nghĩa ra Quyết định khởi tố vụ án số 48/QĐ-CQĐT-ĐCSHS và khởi tố bị can Tô Quang H về hành vi “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Ngày 11-10-2021, ra quyết định khởi tố bổ sung vụ án số 07/QĐ-CQĐT-ĐTTH về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại Điều 341 và Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Ngày 11-10-2021 ra Quyết định khởi tố bổ sung bị cáo Tô Quang H về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Ngày 16-10-2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Gia Nghĩa ra Quyết định tách vụ án số 10/QĐ-CQĐT-ĐTTH tách hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức theo Quyết định khởi tố bị can số 95/QĐ-CQĐT-ĐCSHS để điều tra về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại Điều 341 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, việc tách vụ án này là chưa đảm bảo theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Thông tư liên tịch số 04/2018/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 19-10-2018 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng, bởi lẽ: vụ án đầu tiên được khởi tố theo Quyết định khởi tố số 48/QĐ-CQĐT-ĐCSHS ngày 28-5-2021 và Quyết định khởi tố bị can Tô Quang H về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại Điều 341 của Bộ luật Hình sự. Sau đó ngày 11-10-2021 mới ra Quyết định khởi tố vụ án bổ sung về các tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” và “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Trường hợp phải tách vụ án do hết thời hiệu điều tra mà chưa làm rõ được thì phải tách vụ án về hành vi “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” ra khỏi vụ án khởi tố ban đầu mới đúng nhưng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Gia Nghĩa lại tách ngược.

Bên cạnh đó, xét thấy bị cáo thực hiện một chuỗi hành vi phạm tội, hành vi phạm tội này là tiền đề cho hành vi phạm tội sau nên việc tách vụ án sẽ ảnh hưởng đến việc xác định tội danh gây bất lợi cho bị cáo nếu có đủ căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo hướng dẫn tại Công văn số 233/TANDTC-PC ngày 01-10-2019 và Công văn số 50/TANDTC-PC ngày 07-4-2020 của Tòa án nhân dân tối cao, đồng thời cũng gây ảnh hưởng đến việc xác định tư cách tham gia tố tụng của anh Lê Văn C, bà Lê Thị S và anh Bùi Minh T.

[2.2]. Cáo trạng số 22/CT-VKS-GN ngày 18-3-2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa truy tố Tô Quang H về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” và tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” trong khi Kết luận điều tra chỉ đề nghị Viện kiểm sát truy tố về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”, đồng thời không có căn cứ nào kết luận bị cáo đặt làm giả con dấu để sử dụng. Trường hợp nếu có căn cứ kết luận thì cũng không đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 236 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 6 Điều 9 của Thông tư liên tịch số 04/2018/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 19-10-2018 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng.

[2.3]. Giai đoạn xét xử sơ thẩm tại biên bản nghị án Hội đồng xét xử biểu quyết tuyên bố bị cáo Tô Quang H phạm các tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” và “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” nhưng Bản án số 07/2023/HS-ST ngày 06-02-2023 thì chỉ nhận định và quyết định bị cáo phạm các tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” và “*Sử dụng*

tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” như vậy quyết định giữa bản án và biên bản nghị án là khác nhau, vi phạm điểm c khoản 3, điểm a khoản 6 Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy việc vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng của cấp sơ thẩm mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể khắc phục được nên có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, hủy Bản án sơ thẩm số 07/2023/HS-ST ngày 06-02-2023 của Toà án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa để điều tra lại theo quy định của pháp luật.

2. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ I);
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Đắk Nông;
- CQTHAHS Công an tỉnh Đắk Nông;
- TAND thành phố Gia Nghĩa;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thành phố G;
- CQCSĐT Công an Tp. Gia Nghĩa;
- CQTHAHS Công an Tp. G;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Tổ HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Xuân Chiến